

ĐÔI NÉT VỀ ĐỊNH QUẢNG NAM QUA TƯ LIỆU Ở XÃ MINH HƯƠNG, HỘI AN THẾ KỶ XVIII

NHÂM THỊ LÝ*

Từ thế kỷ XVI, vùng đất miền Trung Việt Nam dưới sự quản lý của các chúa Nguyễn đã vươn lên phát triển mạnh mẽ cả về kinh tế thương nghiệp, văn hóa-xã hội cũng như về mặt chính trị quân sự. Trong bối cảnh chính trị trong nước rối ren, tình hình quốc tế và khu vực phức tạp, để xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền quản lý ở vùng đất mới và để có đủ sức mạnh cần thiết đương đầu với lực lượng Đàng Ngoài, cũng như để đối phó với các vấn đề an ninh quốc phòng nói chung trong thời đại hưng thịnh của giao thương quốc tế đường biển, các chúa Nguyễn đã thực thi nhiều chính sách phát triển kinh tế địa phương, mở rộng quan hệ giao thương với nước ngoài, thúc đẩy kinh tế hàng hoá và đô thị trong nước phát triển lên một trình độ mới. Chính vì vậy, một số nhà nghiên cứu cho rằng việc chúa Nguyễn tìm mọi cách tách Thuận Quảng ra khỏi sự kiểm soát của chính quyền Lê - Trịnh không phải chỉ là hành động cát cứ phong kiến đơn thuần vì lợi ích của dòng họ Nguyễn, mà còn phản ánh một ước nguyện muốn thực thi những chính sách cai trị khác với đường lối chính trị của Đàng Ngoài lúc đó đang theo xu hướng hoài cổ rập khuôn thời Lê sơ, kìm hãm sự phát triển của xã hội (1).

Trên thực tế, bối cảnh chính trị - kinh tế thế giới và khu vực giai đoạn cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII cũng có nhiều điều kiện thuận lợi để Đàng Trong có thể khai thác một cách hiệu quả các nguồn lực của mình. Do đó, sau khi xác lập sự quản lý của mình tại vùng đất Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã nhanh chóng khôi phục và phát triển Hội An thành một thương cảng quốc tế sầm uất và nhộn nhịp. Đặc biệt từ sau khi được chúa Nguyễn Hoàng giao cho làm trấn thủ dinh Quảng Nam vào năm 1602, một vùng "đất tốt, dân đông, sản vật giàu có", chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã nỗ lực thực hiện đường lối chính sách đối ngoại khai mở, thu hút đông đảo thương nhân ngoại quốc đến các đô thị cảng biển làm ăn buôn bán và thậm chí còn được định cư lâu dài ở xứ Đàng Trong, trong đó có cộng đồng người Hoa Minh Hương.

1. Tình hình tư liệu Hán Nôm của xã Minh Hương, Hội An (2)

Từ năm 1993 đến năm 1998, các nhà quản lý và nhà nghiên cứu Việt Nam cùng với đối tác Nhật Bản đã tiến hành nhiều đợt điều tra khảo sát ở khu vực phố cổ Hội An và thu thập được một số lượng tương đối lớn các văn bản Hán Nôm do xã Minh Hương trước đây lưu giữ. Đây là một nguồn

* TS. Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG HN

tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu rõ hơn về vị trí của đình Quảng Nam cũng như vai trò quản lý của nó đối với thương cảng Hội An trong lịch sử.

Tính đến ngày 30-4-1999, cơ quan chức năng Thành phố Hội An đã thu thập bổ sung thêm được 1.362 trang tư liệu văn tự các loại ở Hội An (chủ yếu là của xã Minh Hương, ngoài ra còn có một số ít giấy tờ, văn bản của các xã khác tại Hội An như xã Cẩm Phô, Hội An, Thanh Châu, Đế Vông...). Tuy vậy vẫn còn một khối lượng lớn tư liệu liên quan đến xã Minh Hương vẫn còn nằm trong các hộ dân và ở một số di tích tại phố cổ Hội An. Trong số đó, tổng số tư liệu văn tự gốc sưu tầm được là 1.034 trang, bao gồm chủ yếu là bản copy các loại văn khế, tờ thuế chấp, cầm cố về nhà cửa, thổ phố, các bản kê khai ruộng đất, chuyển nhượng đất tư, các tờ phân chia gia sản, giấy tờ trát văn, sắc phong, bìa ký, gia phả các tộc phái và các tờ trình, đơn từ liên quan đến các hoạt động của xã Minh Hương và dân xã. Theo các nhà nghiên cứu địa phương, đặc điểm của các tư liệu gốc này là chưa qua xử lý, chủ yếu được viết bằng chữ Hán, một số ít bằng chữ Pháp hoặc chữ Quốc ngữ. Các bản gốc thường có dấu ấn triện của triều đình, dinh trấn, phủ huyện hoặc của chức dịch xã.

Nhìn chung, thông qua các đợt khảo sát như đã nêu trên, cơ quan quản lý di tích Hội An, Quảng Nam đã thu thập được một số lượng đáng kể tư liệu gốc về xã Minh Hương, Hội An, Quảng Nam. Tính đến thời điểm năm 2005, cơ quan này đã xử lý tổng cộng 4.067 trang tư liệu Hán Nôm gốc của xã Minh Hương hoặc có liên quan đến xã Minh Hương để phục vụ cho đề tài nghiên cứu về xã Minh Hương với thương cảng Hội An thế kỷ XVII-XIX. Nội dung của các tư liệu Hán Nôm rất phong phú, đa dạng, cung cấp khá nhiều thông tin cần thiết và

quan trọng để hiểu rõ hơn về các vấn đề liên quan đến quá trình hình thành và phát triển cũng như vai trò của xã Minh Hương đối với sự phát triển của thương cảng Hội An nói riêng, của Đảng Trong nói chung trong thế kỷ XVII - XIX. Căn cứ vào nội dung và hình thức văn bản, các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu ở phố cổ Hội An đã phân chia thành các nhóm như sau:

a. Các sổ đình, bản khai dân đinh của xã Minh Hương và một số xã phường khác có liên quan tại Hội An. Niên đại sớm nhất của loại văn bản này là năm 1744, muộn nhất là năm 1939. Tuy không liên tục nhưng qua các sổ đình năm 1744, 1746, 1747, 1788, 1788, 1801, chúng ta có thể xác định được ít nhiều quy mô dân số, nghề nghiệp của dân đinh, địa bàn cư trú của dân đình Minh Hương trong các thế kỷ XVII-XIX, cũng như tình hình quản lý nhập cư của chính quyền địa phương thời trước.

b. Các sổ điền, bản khai đất đai, thổ phố của xã Minh Hương và một số xã phường khác có liên quan tại Hội An. Khung niên đại của loại văn bản này từ năm 1778 đến năm 1954. So với sổ đình, các sổ điền và bản khai đất đai của xã Minh Hương đầy đủ và liên tục hơn, do đó, chúng ta có thể xác định được tình hình đất đai của xã quan một số mốc thời gian từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XX. Bên cạnh đó, hiện nay ở Hội An còn lưu giữ 563 trang văn bản khế ước, văn khế, tờ chấp thực đất đai, thổ phố của cư dân Minh Hương. Loại hình tư liệu này chiếm số lượng khá lớn, chủ yếu phản ánh tình hình hoạt động thuê mướn, chuyển nhượng ruộng đất, nhà cửa... trong dân cư ở vùng Hội An trước đây.

c. Các tờ truyền, trát văn của quan nha gửi cho các chức dịch xã Minh Hương, các tờ trình, bẩm cáo của chức dịch xã gửi đến dinh trấn, ty Tầu vụ, các bộ và các vị quan

ở Quảng Nam, Thuận Hóa. Tổng số gồm 273 trang, niên đại sớm nhất của văn bản là năm 1749, muộn nhất là năm 1939. Loại hình văn bản gốc này cung cấp một lượng thông tin phong phú, quan trọng, liên quan đến nhiều địa phương, nhiều cá nhân, nhiều lĩnh vực hoạt động của cộng đồng Minh Hương ở Hội An nói riêng, Đàng Trong nói chung. Các nhà nghiên cứu ở Hội An nhận thấy rằng có 102/273 trang có niên đại khoảng cuối thế kỷ XVIII và 101/273 trang thuộc triều Minh Mạng. Số còn lại khoảng 70 trang thuộc các triều vua khác của nhà Nguyễn. Loại hình văn bản Hán Nôm này cho thấy sự quan tâm cũng như các khía cạnh quản lý nhà nước của chính quyền phong kiến trước đây đối với xã Minh Hương nói riêng, thương cảng Hội An nói chung. Ví dụ dưới đây (xem ảnh 1) là một văn bản trát sức của quan trấn thủ dinh Quảng Nam gửi đến xã Minh Hương, Hội An vào thời Cảnh Hưng. Nội dung tư liệu cho biết tình hình quản lý nghiêm khắc của chính quyền dinh trấn đối với các thuyền buôn nước ngoài đến buôn bán ở thương cảng Hội An nhưng vi phạm pháp luật của nước sở tại.

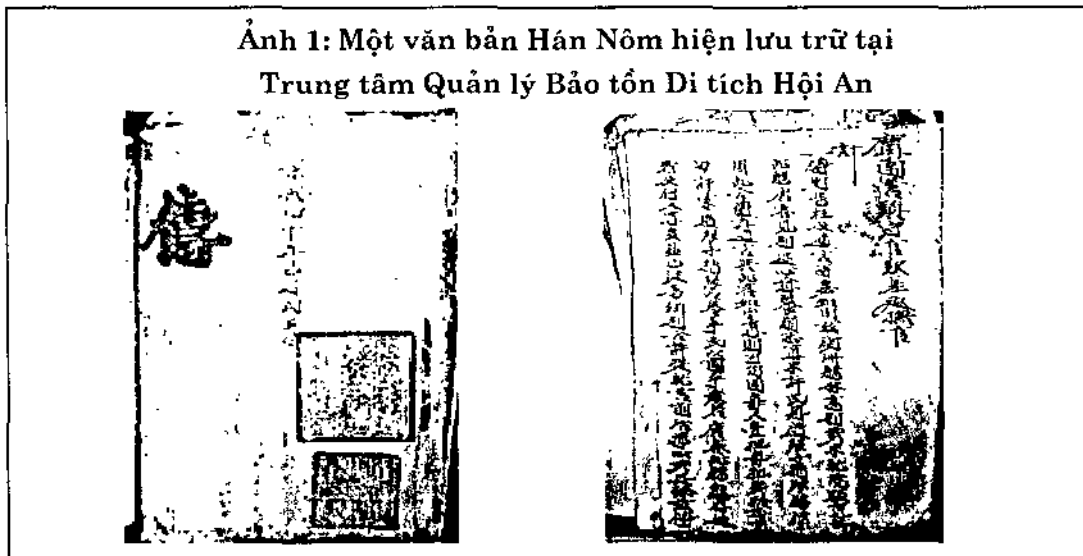
d. Gia phả một số tộc phái Minh Hương và các tộc phái có liên quan ở Hội An.

Trước đây, cơ quan Quản lý Di tích Hội An sưu tầm được 11 bản gia phả và 01 bản hương phổ của xã Minh Hương lập năm 1820. Theo báo *Quảng Nam*, năm 2010, Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An đã phát hiện 20 bộ gia phả có niên đại khoảng đầu thế kỷ XIX. Đó là gia phả của các dòng họ tiêu biểu tại phố cổ Hội An như tộc Diệp, Nguyễn Việt... cùng gia phả các tộc Trương, Châu, La được mang từ Trung Quốc sang. Đây là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu về nguồn gốc cư dân Hội An và quá trình di dân, nhập cư của các cộng đồng cư dân Việt, Hoa trong nhiều thế kỷ trước, đồng thời cũng phản ánh thực tế quan hệ hôn nhân - gia đình giữa, người Hoa, người Minh Hương với cư dân địa phương (3).

e. Các loại tư liệu gốc khác

Trung tâm Quản lý di tích Hội An hiện nay còn lưu giữ bản copy 35 đạo sắc phong thần ở các di tích Minh Hương và sắc phong một số người Minh Hương có công đối với triều Nguyễn. Niên đại của chúng từ năm 1824 đến năm 1943. Ngoài ra còn có các sổ, văn bản ghi chép về các ngày lễ lệ, các loại vật dụng trong các lễ lệ, các địa điểm thờ tự, sổ ruộng đất, thổ phước cho thuê để thu tô dùng vào việc hương khói, các bài

Ảnh 1: Một văn bản Hán Nôm hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An



văn tế..., có niên đại sớm nhất là năm 1765. Đây là nhóm tư liệu góp phần làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến phong tục tập quán, sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của cộng đồng cư dân Minh Hương tại Hội An.

Nhìn chung, số lượng tư liệu Hán Nôm được cơ quan quản lý ở phố cổ Hội An thu thập ngày càng tăng. Tính đến năm 2010, Trung tâm Quản lý Di tích Hội An đã thu thập, lưu giữ khoảng 2.200 trang tư liệu gốc, gần 5.000 trang tư liệu photo văn bản gốc, 300 bản dập văn bia, hoành phi, liễn đối, 800 bản in từ mộc bản và hơn 60 đạo sắc phong, tất cả đã được lập thành kho tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu lịch sử - văn hóa địa phương (4).

2. Tư liệu Hán Nôm ở Hội An đối với việc nghiên cứu về dinh Quảng Nam

Thời gian qua, để phục vụ cho công tác nghiên cứu của mình, người viết đã đến Hội An nhiều lần để tiến hành điều tra thực địa và thu thập tư liệu nghiên cứu. Do hạn chế về mặt thời gian thực hiện khảo sát điền dã tại Hội An cũng như do nhiều yếu tố khác nên người viết mới chỉ tiếp cận được một bộ phận nhỏ, chưa toàn diện của nguồn tư liệu Hán Nôm nêu trên. Tuy vậy, thông qua nghiên cứu một số tư liệu gốc của xã Minh Hương, Hội An mà người viết thu thập được cho thấy, nguồn tư liệu này rất khả quan và đáng tin cậy, cung cấp cho chúng ta một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu về dinh Quảng Nam cũng như vai trò quản lý của nó đối với thương cảng Hội An vào thế kỷ XVIII. Trong phạm vi bài viết này, người viết chủ yếu tập trung tìm hiểu về vị trí trú đóng của dinh Quảng Nam thông qua nghiên cứu một số tư liệu điền dã của xã Minh Hương, Hội An để đóng góp một góc nhìn tham khảo về địa điểm lỵ sở dinh Quảng Nam dưới thời chúa Nguyễn.

Theo nhà nghiên cứu Châu Yến Loan trong cuốn *Dinh trấn Thanh Chiêm - kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong* cho rằng, với việc xác lập các kho tàng, hạ tầng quân sự, văn hóa và bố trí các thế tử trấn giữ, dinh trấn Thanh Chiêm đã được xem như triều đình thứ hai của chúa Nguyễn vì đây là nơi các thế tử tập sự điều hành đất nước trước khi ra chính dinh Thuận Hóa. Dù chỉ tồn tại 200 năm nhưng dinh trấn Thanh Chiêm có vai trò và vị trí rất quan trọng trong tiến trình mở cõi của dân tộc về phía Nam. Dinh trấn này không chỉ quán xuyến, điều hành mọi hoạt động kinh tế ở vùng đất Quảng Nam mà còn là nơi điều hành mọi hoạt động của Tuần ty và quan Thủ ngự cai trị vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Đặc biệt, nơi đây được xem là một trong những cái nôi ra đời của chữ Quốc ngữ trong buổi sơ khai (5).

Chính vì vậy, các cuộc hội thảo cấp quốc gia đã được tiến hành vào năm 2002 và năm 2016 để xác định rõ vai trò, ý nghĩa đặc biệt của dinh trấn Quảng Nam đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay vị trí lỵ sở dinh Quảng Nam vẫn đang là một vấn đề tranh luận còn nhiều tồn nghi và chưa được làm rõ. Phần lớn các nhà nghiên cứu Việt Nam cho rằng dinh trấn Thanh Chiêm thuộc thời kỳ chúa Nguyễn có vị trí ở thôn Thanh Chiêm, xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam ngày nay. Đồng thời với việc đặt lại vị trí thủ phủ dinh Quảng Nam vào năm 1602 và cắt vùng đất nam Hải Vân vào dinh Quảng Nam năm 1604, các chúa Nguyễn đã đưa vùng đất Quảng Nam thành một vùng đất trù phú, trong đó thủ phủ dinh trấn này đã trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế lớn thứ 2 (chỉ đứng sau thủ phủ Phú Xuân) trong các thế kỷ XVII-XVIII. Tuy nhiên, theo ghi chép trong cuốn sổ dinh lập năm Thái Đức thứ 11 (1788) của

xã Minh Hương ở phố cảng Hội An cho biết rất chi tiết tình hình phân bố nhân khẩu dân đinh của xã vào thời Tây Sơn, ví dụ như trích lược dưới đây (xem bảng 1).

Bảng 1: Thống kê nhân khẩu của xã Minh Hương theo sổ đinh năm 1788 (Thái Đức 11) (6)

Tên làng xã	Số người
Phố Hội	283
Huyện Diên Khánh	
Xã Đông An	6
Xã Thanh Hà	30
Xã Cẩm Phô	24
Xã An Mỹ	11
Phường Tân An	5
Xã Thanh Châu	8
Xã La Qua	4
Xã Viêm Minh (giáp Đông + giáp Tây)	11
Xã Châu Lâu	11
Xã Thanh Chiêm	3
Phường Phúc Kiều thị Đức	1
Xã Thủy Bồ	4
Xã Nông Sơn	4
Xã Long Giang	1
Xã Phú An	1
Phường An Nhân...	1

Thống kê trên đây cho thấy có rất ít người Minh Hương cư trú làm ăn sinh sống ở xã Thanh Chiêm, huyện Diên Khánh (Diên Phước ngày nay) dưới thời Tây Sơn. Quy mô dân đinh nhỏ lẻ như vậy là hiện tượng cư trú phổ biến của người Minh Hương ở các làng xã người Việt ở huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn, Quảng Nam vào thời kỳ đó. Trong khi đó, nhân khẩu người Minh Hương cư trú làm ăn tại các khu vực thị tứ, phố thị như Hội An, Thanh Hà, Cẩm Phô... ở huyện Diên Khánh (hoặc ở xã Thạch Bàn (22 người), xã Phú Cốc (33 người) huyện Duy Xuyên) lại có khuynh hướng tập trung đông đúc hơn rất nhiều lần. Điều này cũng phản ánh một thực tế là xã Thanh Chiêm, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn vào thời Tây Sơn rất khó có thể

là một khu vực thị tứ, thị trấn đông đúc, sầm uất của một vùng. Tình trạng này có lẽ đã duy trì cho đến tận ngày nay như chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy qua quan sát bằng mắt thường.

Nếu như thủ phủ dinh Quảng Nam thời chúa Nguyễn, với vai trò là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn nhất nhì của toàn xứ Đàng Trong, nơi tập sự của các thế tử dòng họ chúa Nguyễn, từng được đặt tại xã Thanh Chiêm, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn trong quá khứ thì địa bàn này ít nhiều phải mang dáng dấp một đô thị có quy mô nhất định nào đó dù lớn hay nhỏ. Đồng thời dấu ấn đô thị này cũng phải tồn tại đến tận ngày nay như các đô thị khác hình thành thời chúa Nguyễn như Hội An, Quy Nhơn, Cù Lao Phố, Sài Gòn - Gia Định, Hà Tiên..., cho dù các đô thị này cũng từng chịu ảnh hưởng ít nhiều từ sự tàn phá của các cuộc chiến tranh như khởi nghĩa Tây Sơn, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ... Thực tế lịch sử đã cho thấy cho dù một cuộc chiến tranh có khốc liệt đến mấy cũng rất khó có thể nhanh chóng biến một khu vực trung tâm kinh tế, chính trị sầm uất một thời của xứ Đàng Trong trở thành một thôn xã dân dã như làng Thanh Chiêm, xã Điện Phương, Điện Bàn ngày nay.

Vậy dinh trấn Quảng Nam được đặt ở đâu dưới thời các chúa Nguyễn? Trong khi li sỏ các dinh trấn khác đã được xác định rõ thì bóng dáng li sỏ dinh Quảng Nam ở đâu vẫn còn rất mơ hồ. Nếu khảo sát các tư liệu gốc của xã Minh Hương, Hội An, chúng ta không khó để có thể trả lời được câu hỏi này. Ví dụ như trên trang đầu cuốn sổ Đình bạ lập năm Đình Mão, năm thứ 8 thời Lê Cảnh Hưng (1747) của xã Minh Hương có ghi: "Dinh Quảng Nam, khi đến Đà Nẵng nộp sổ Bạ có các quan: ông quan Tri bạ tàu, quan Công đường, ông quan Cai bạ,

ông quan Ký lục, ông quan Cai án, ông quan Nha úy, Quan Thủ dinh..." (7).

Tên gọi Đà Nẵng trong nguyên gốc văn bản sổ sách của xã Minh Hương là 沱 瀾, phiên âm chữ Latinh là: Tuórang. Tên phiên âm này gần giống với tên Turon, Touron, Turaon được ghi chép trong các tư liệu của giáo sĩ phương Tây. Về mặt quản lý hành chính, xã Minh Hương được thu nạp vào bộ máy hành chính địa phương từ thời các chúa Nguyễn đặt dưới sự quản lý trực tiếp của dinh Quảng Nam mà không do các cấp tổng, huyện, phủ quản lý giống như các đơn vị làng xã khác của người Việt thời bấy giờ. Cơ chế trực thuộc dinh đã tồn tại ngay từ lúc đầu thành lập xã cho đến tận nửa đầu thế kỷ XX sau khi nhà Nguyễn sụp đổ. Là một đơn vị hành chính đặc biệt do dinh Quảng Nam trực tiếp quản lý, do đó việc xã Minh Hương đi nộp sổ Bạ ở đâu phản ánh chính xác nhất địa chỉ lệ sở của chính quyền dinh Quảng Nam đương thời. Trong cuốn sổ ghi chép chi tiêu lập năm Đinh Mão (1747) của xã Minh Hương, Hội An cũng cho biết (xem ảnh 2):

"Ngày 19 (tháng 5)

Bản xã Hội xã lập Đình bạ (nguyên văn "tạo Tổng Bạ"), tiền mua sổ và ăn uống từ ngày 19 đến ngày 22 hết 1 quan 7 hào 30 xu.

Ngày 24

Bản xã đi Đà Nẵng nộp sổ Bạ ở chỗ ông quan ký lục dinh Quảng Nam, lễ vật gồm: chè ngon 1 cân 1 quan 5 hào, 1 đôi giày gấm Thượng Hải 8 hào, 1 bút lông 1 hào 30 xu, 1 quạt Tô Châu 1 hào 12 xu.

...Chi phí ăn ở 3 ngày rưỡi ở Đà Nẵng cộng tiền công, tiền thuyền đi về hết 1 quan 7 hào 30 xu" (8).

Thực tế ghi chép trong sổ sách của xã Minh Hương ở thượng cảng Hội An đã cho thấy rõ mối quan hệ giữa xã này với chính quyền dinh Quảng Nam và bộ máy chính

quyền cấp phủ (phủ Điện Bàn) đóng ở hải cảng Đà Nẵng thời trước. Chính vì vậy vùng đất Đà Nẵng với nhiều tên gọi khác nhau vẫn còn được biết đến ngày nay cũng được ghi lại rất rõ trong nhiều loại sổ sách giấy tờ của người Minh Hương ở phố Hội, cụ thể như đoạn trích lược dưới đây được ghi chép trong sổ chi tiêu lập năm Đinh Mão (1747):

"...Ngày 15 tháng 7

Quan thủ dinh truyền quan cai phủ, cai xã và quan chức bản xã tỵu dinh thừa lệnh xem Công di từ (công văn giấy tờ) của các quan truyền tới Đồng Long, cấp tiền hành lý quân nhân 5 hào.

Ông cai xã và bản xã tỵu dinh xem Công di từ, cả đi lẫn về 2 ngày, tiền dò và chi phí tạp dụng 8 hào.

...Ngày mừng 9 tháng 8

Người bản xã gồm khách Nguyên, khách Phú, khách Thanh... ở Đồng Long. Quan khâm sai sai các quan này làm thông ngôn cho những người bị bắt giam là người Khách, cấp tiền phí đi đường 2 quan.

...Ngày 28 tháng 12

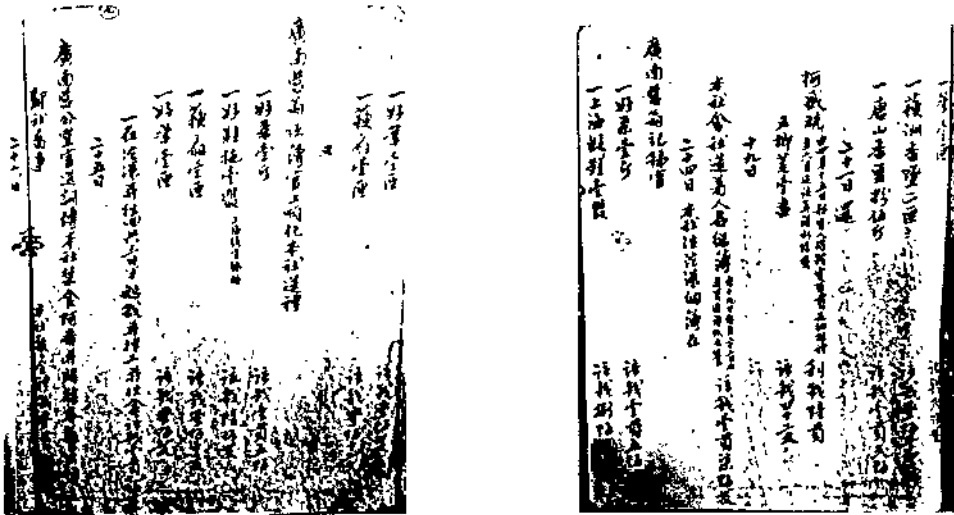
Nhan lão gia được thăng chức làm quan cai phủ, tầu đến Hàn. Bản xã đi đến đó chúc mừng tân quan, tiền lễ và lộ phí 2 quan 8 hào.

Ngày 25

Hoàng lão gia về Thuận Hóa, do lệnh tấn thủ Hàn tặng lễ: 40 chiếc bánh 4 hào, 3 cân bột đậu xanh 6 hào, 3 cân đỗ 2 hào 20 xu, 7 cân đường cát 5 hào 30 xu" (9).

Tên gọi Hàn và Đồng Long là hai cách gọi khác nhau thời kỳ trước chỉ vùng đất Đà Nẵng ngày nay. Tên gọi Đồng Long nguyên văn trong sổ sách của xã Minh Hương là 洞 龍 (phiên âm: Tông lông, dịch âm Hán Việt: Đồng Long). Đồng Long cũng là tên gọi vùng cửa vịnh Đà Nẵng đã được

Ảnh 2: Trang 17, 18 trong sổ Đình bạ của xã Minh Hương, Hội An
lập năm Đinh Mão (1747) (10)



vua Lê Thánh Tông ghi chú trên bản đồ vẽ năm 1471 trước khi ông đem quân đánh Chiêm Thành, đồng thời cũng được phản ánh trong một tác phẩm thơ được sáng tác khi ông đóng quân ở phía nam Hải Vân như sau:

"Trăng Đồng Long ba canh đêm tỉnh

Thuyền Lộ Hạt năm trống gió thanh"
(11).

Ngay từ thế kỷ XVI, chúa Nguyễn đã có sự chú ý đặc biệt đến tầm quan trọng về vị trí chiến lược của vùng đất Đà Nẵng cũng như về vai trò của phát triển kinh tế giao thương. Vào năm Nhâm Dần (1602), chúa Tiên Nguyễn Hoàng: "đi chơi núi Hải Vân, thấy một dải núi cao dằng dãi mấy trăm dặm nằm ngang đến bờ biển. Chúa khen rằng: "chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận Quảng" (12). Từ đó, có thể nói rằng vị trí hải cảng Đà Nẵng vốn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng về mặt chiến lược quân sự. Do vậy, việc chúa Nguyễn đặt lỵ sở dinh Quảng Nam ở cảng Đà Nẵng để trấn thủ toàn vùng Đàng Trong là hoàn toàn phù hợp về mặt địa chiến lược. Chỉ có vịnh Đà Nẵng mới đủ rộng, lại dễ dàng phòng thủ vì

dựa lưng vào thế núi Hải Vân hùng vĩ, hiểm trở, mới giúp cho chúa Nguyễn có thể bố trí trú đóng một lực lượng hải quân hùng mạnh. Với ưu thế của một vùng vịnh diện tích rộng có cửa biển nước sâu (của Hàn), hải cảng Đà Nẵng rất thuận lợi cho việc cập bến và neo đậu của tàu thuyền phương Tây. Nếu chúa Nguyễn đặt vị trí thủ phủ dinh Quảng Nam tại Đà Nẵng sẽ tạo điều kiện dễ dàng hơn cho bộ máy chính quyền Đàng Trong có thể giao thiệp một cách nhanh chóng, trực tiếp với người phương Tây để tiến hành trao đổi mậu dịch và mua sắm vũ khí với họ.

Ngay từ đầu thế kỷ XVII, chúa Nguyễn đã có sự chú ý đặc biệt đến tầm quan trọng về vị trí địa lý chiến lược của vùng đất Đà Nẵng. C. Borri trong đoạn cuối chương 8 cuốn: Xứ Đàng Trong năm 1621 đã miêu tả một cách có lẽ rất chính xác về điều này: "Chúa Đàng Trong vẫn tỏ ra thích để cho người Bồ đến buôn bán ở nước ngài một cách lạ lùng. Và đã mấy lần ngài cho họ ba hay bốn địa điểm ở nơi phì nhiêu nhất và phong phú nhất trong vùng hải cảng Đà Nẵng, để họ xây cất một thành phố, với tất

cả những gì cần thiết, cũng như người Tàu và người Nhật đã làm. Và tôi mạn phép nói lên cảm tưởng về việc này với hoàng đế công giáo, tôi xin nói rằng ngài nên ra lệnh cho người Bồ nhận lời đề nghị rất lịch thiệp mà chúa Nguyễn Đàng Trong đã đưa ra và sớm xây cất ở đó một thành phố tốt đẹp,

XVII, nơi có những dấu tích về sự tồn tại của phố Nhật, là khu vực người Nhật từng sống tập trung, lập thương quán để buôn bán và thu mua hàng hóa từ thời kỳ mậu dịch Châu ấn thuyền. Đó là bức tranh Giao Chỉ Quốc mậu dịch độ hải đồ của thương gia Chaya Shinroku (*xem ảnh 3*).

Ảnh 3: "Chaya Shinroku Giao Chỉ mậu dịch độ hải đồ" được các nhà khảo cổ học Nhật Bản tặng cho huyện Diên Bàn năm 2000 (13)



làm nơi an toàn để cư trú, lại dùng để nhanh chóng bảo vệ hết các tàu thuyền đi Trung Quốc. Cũng có thể giữ một hạm đội sẵn sàng chống lại người Hà Lan. Họ đi Tàu hay đi Nhật, dù muốn dù không, họ bắt buộc phải qua giữa eo biển nằm trong bờ biển xứ này thuộc về các hoàng tử trấn thủ Phú Yên và Quy Nhơn với những quần đảo Chàm" (14). Từ những ghi chép trên có thể thấy cho dù việc dinh Quảng Nam được đặt tại Đà Nẵng chỉ là tạm thời trong một quãng thời gian ngắn nào đó trong thế kỷ XVIII cũng là một điều dễ hiểu. Bởi vì các chúa Nguyễn không nhất thiết phải đặt lỵ sở dinh Quảng Nam ở đâu đó không tiện lợi về địa lý trong suốt 2 thế kỷ trong khi sở hữu một cảng biển chiến lược như vậy.

Nhìn chung, thương cảng Hội An xưa kia đã được tái hiện lại một cách sống động bởi các nhà truyền giáo, thương khách phương Tây và châu Á. Nhưng có lẽ trực quan và ấn tượng nhất là những mô tả trong một bức tranh của Nhật Bản về thương cảng Đàng Trong trong thế kỷ

Bức tranh miêu tả chuyến hải trình vượt biển của một thương thuyền Nhật Bản đi từ Trường Kỳ (Nagasaki) cập bến Hội An đến Dinh Chiêm (Dinh Quảng Nam) dâng lễ vật yết kiến chúa Nguyễn. Tuy bị mất một phần nhưng bức tranh vẫn có thể giúp chúng ta dễ dàng hình dung ra một phần đô thị cảng Hội An nơi có phố Nhật và vị trí địa lý của Dinh Chiêm, ly sở của Quảng Nam Dinh dưới thời chúa Nguyễn vào đầu thế kỷ XVII (15).

3. Kết luận

Có thể nói rằng, nhiều di sản lịch sử quý giá của dinh Quảng Nam thời chúa Nguyễn vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay ở phố cổ Hội An. Tư liệu sổ sách, sổ dinh, văn bản trát sắc của xã này trong thế kỷ XVIII đã phần nào giúp chúng ta có một cái nhìn mới, rất đáng tin cậy về vị trí của lỵ sở dinh Quảng Nam ở Đà Nẵng cũng như vai trò quản lý của nó đối với thương cảng Hội An thời trước.

Nhìn chung, trong bốn trung tâm buôn bán lớn của Đại Việt với người ngoại quốc vào

thế kỷ XVII-XVIII gồm Kê Chợ, Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Hội An (Faifo), Tourane (Đà Nẵng) ở Đàng Trong, Hội An là nơi buôn bán sầm uất nhất, thường được các thương gia nước ngoài ghé đến và ca tụng như là một đầu mối giao thông, thương mại bằng đường biển quan trọng nhất của xứ Đàng Trong... Trong khi đó, Đà Nẵng luôn được biết đến như là một cảng biển tốt nhất của Đàng Trong, đồng thời cũng thường xuyên được nhắc đến trong các bản đồ hàng hải, sách vở và ghi chép của người châu Âu từ thế kỷ XVI cho đến tận ngày nay với những tên gọi quen thuộc như Turon, Tournon, Tourane... Tuy nhiên, những ghi chép đó không đủ để giúp chúng ta có thể hiểu được một cách tường tận về hải cảng Đà Nẵng trong thời kỳ cai quản của các chúa Nguyễn.

Thông qua nghiên cứu sơ bộ một số tư liệu của xã Minh Hương, Hội An, người viết

cho rằng rất có thể trong quá khứ Đà Nẵng là hải cảng quốc tế nổi tiếng một thời với một mùa hội chợ quốc tế diễn ra hàng năm, là "kinh đô thứ hai" của Đàng Trong, nơi đặt lỵ sở dinh Quảng Nam. Tuy nhiên, hải cảng thịnh vượng này đã bị phá hủy hoàn toàn bởi một cuộc nội chiến quy mô lớn đã diễn ra trong nước như lời miêu tả của John Barrow về thành phố Toron trong cuốn nhật ký *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)* (16). Do đó, mặc dù các dấu tích thủ phủ dinh Quảng Nam ở Đà Nẵng đã bị lớp bụi thời gian vùi lấp, nhưng người viết hy vọng rằng vấn đề lịch sử về dinh Quảng Nam và hải cảng Đà Nẵng dưới thời chúa Nguyễn sẽ được nghiên cứu sâu hơn nữa trong tương lai không xa để góp phần phục dựng lại những trang sử hào hùng của dân tộc.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Quang Ngọc: *"Nguyễn Phúc Nguyên: vị chúa của những kỳ công mở cõi đầu thế kỷ XVII"*, in trong cuốn *Khoa Lịch sử - Một chặng đường nghiên cứu khoa học (2006-2011)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2011.

(2). Tham khảo báo cáo kết quả sưu tầm tư liệu về xã Minh Hương, Hội An in trong cuốn *Xã Minh Hương với thương cảng Hội An thế kỷ XVII-XIX*, Trần Văn An, Nguyễn Chí Trung, Trần Ánh biên soạn, Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2005, tr 7-12.

(3). Dẫn theo: <http://hoian.vn/hoi-an-phat-hien-20-bo-gia-pha-dau-the-ky-xix/>

(4). Dẫn theo: <http://hoian.vn/hoi-an-luu-giu-gan-10-nghin-tu-lieu-han-nom/>

(5). Dẫn theo: <http://baoquangnam.vn/van-hoa-van-nghe/van-hoa/201602/tim-ve-dinh-tran-thanh-chiem-661591/>

(6). Trần Văn An, Nguyễn Chí Trung, Trần Ánh, *Xã Minh Hương với Thương cảng Hội An thế kỷ XVII-XIX*, Trung Tâm Quản lý và bảo tồn di tích Quảng Nam, 2005, phần Phụ lục, tr 20.

(7). Tư liệu KH: A15-MH, lưu trữ tại Trung tâm QLBT Di tích Hội An.

(8), (10). Sổ ghi chép chi tiêu năm Đinh Mão (1747) của xã Minh Hương, lưu giữ tại Trung tâm QLBT Di tích Hội An.

(9). Sổ ghi chép chi tiêu lập năm Đinh Mão (1747) của xã Minh Hương, hiện lưu trữ TTBTQLDT Hội An.

(11). Trần Hữu Đính, Nguyễn Văn Nhật, Nguyễn Tố Uyên, Ngô Văn Minh: *Lịch sử Thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Đà Nẵng, 2001, tr 26, 17.

(12). *Đại Nam Thực lục Tiền biên* (bản dịch T.1), Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr 42.

(13), (15). Dẫn theo: <http://nghiencuuquang.com/co-trung-dai/di-tich-dinh-tran-thanh-chiem-dien-ban-va-moi-lien-he-cua-no-voi-buc-tranh-chaya-228.html>

(14). Cristophoro Bori, Bản dịch của Hồng Nhuệ và đồng sự, 2014, 93-94.

(16). Bản dịch của Nguyễn Thừa Hỷ, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008.